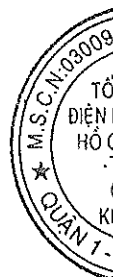


MẪU SỐ 6A

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

IB2500309154-00

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

07/7/2025

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

367/QĐ-CSKH ngày 07/7/2025

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

5111
CHÍNH
VỤ C
LỤC TH
HÍ MI
TRUNG
CHẤM
HÁCH
T P P

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Chủ đầu tư và nhà thầu cần nhập các thông tin

vào các mẫu để lập E-HSMT, E-HSDT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào Điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai</p>

	<p>Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:</p> <p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định</p>

	<p>của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Điều khoản tham chiếu. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-</p>



TH
K

HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.

7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.

7.3. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **E-BDL**. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.

7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.

7.5. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.

7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.

7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị

	không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại E-BDL .
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT bao gồm E-HSDXKT và E-HSDXTC: 10.1. E-HSDXKT bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSDXKT được Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; 10.2. E-HSDXTC bao gồm các thành phần sau đây: - Đơn dự thầu trong E-HSDXTC được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. 10.3. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Giá dự thầu và giảm giá	12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.

0095
TÓN
IÊN L
HÓ CH
TR
KH
/1-7

	12.2. Việc phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia được thực hiện theo quy định tại E-BDL.
13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại E-BDL.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các

	<p>thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSDXKT</p>	<p>18.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSDXKT và công khai biên bản mở E-HSDXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSDXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn

	<p>cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá. - Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống. <p>19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:</p> <p>Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.</p>
<p>20. Mở E-HSDXTC</p>	<p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p>

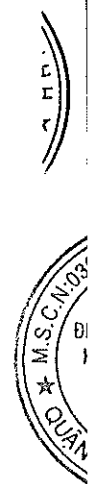
030
 NH
 IG TY
 NH P
 1 TNH
 TÂM
 OC
 ANG
 5 CH

	<p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (<i>Hệ thống tự động tính toán giá dự thầu sau giảm giá</i>); - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa</p>

	<p>chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do</p>

	nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
24. Hiệu chỉnh sai lệch đối với loại hợp đồng theo thời gian	<p>24.1. Hiệu chỉnh sai lệch không áp dụng với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Đối với hợp đồng theo thời gian, trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p>
25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp</p>

	<p>đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyên nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý</p>



	<p>dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p> <p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. <p>27.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà</p>

thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
- g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà

1095
C
TỔN
ÊN L
CÓ CH
-TR
CH
KHÁ
1-7

	<p>thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Bên mời thầu, Bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Bên mời thầu gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định</p>

	<p>khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong</p>

	<p>thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
31. Tùy chọn mua thêm	<p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phân công việc mua bổ sung phải tương tự với phân công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

	<p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại E-BDL, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Bên mời thầu yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư, Bên mời thầu có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>
<p>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>34.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>35. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>

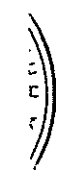
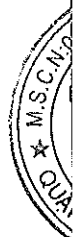
030
 IH
 G TY
 NH PH
 TNHH
 AM
 JC
 .NG
 CH

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: _ KHCB năm 2025 của Tổng Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập E-HSMT: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh + Tư vấn thẩm định E-HSMT: _ CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: _ CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh <i>[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]</i>; + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: _ CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

	<p>nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.3	Hội nghị tiền đấu thầu: <u>Không</u> [ghi “có” hoặc “không”. Trường hợp “có” thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đấu thầu]
E-CDNT 7.7	Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản, gói thầu tư vấn có giá trị không quá 500 triệu đồng hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ: <u>03</u> ngày làm việc [ghi số ngày làm việc tối thiểu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp pháp luật cho phép, ghi nội dung theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó].
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSMT: <u> </u> Hệ thống tự trích xuất theo quy định hiện hành]
E-CDNT 10.3	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSMT các tài liệu sau đây: <u> </u> Không yêu cầu [ghi tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với E-HSMT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “Không yêu cầu”].
E-CDNT 12.2	Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia Không yêu cầu <i>Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia thì ghi rõ “Không yêu cầu”</i> <i>Trường hợp yêu cầu nhà thầu phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia thì ghi rõ “Nhà thầu phải phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A Chương IV”].</i>
E-CDNT 14.3	<i>Trường hợp không áp dụng thì ghi rõ: Không áp dụng</i> <i>Trường hợp áp dụng, Chủ đầu tư điền nội dung sau: Nhà thầu phải</i>

	đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn ___ [ghi số ngày/người hoặc tháng/người]
E-CDNT 15.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSDT: ≥ 90 ngày [trích xuất từ E-TBMT], kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 19.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá <i>[Bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật cho phù hợp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III].</i>
E-CDNT 21.2	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất [Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 19.1 như sau: - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì Hệ thống sẽ trích xuất: "nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp thứ nhất"; - Chọn phương pháp dựa trên kỹ thuật thì Hệ thống sẽ trích xuất: "nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp thứ nhất". - Chọn phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì Hệ thống sẽ trích xuất: "nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất"].
E-CDNT 26.3	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu [tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ %].
E-CDNT 28.4	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng). <i>[- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói thì ghi "bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng)"</i> <i>- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian thì ghi "không bao gồm chi phí phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng"].</i>



	- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá thì ghi "không bao gồm chi phí phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng"]
E-CDNT 31	- Tùy chọn mua thêm: _ Có áp dụng [ghi "có áp dụng" hoặc "không áp dụng" theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp "có áp dụng" thì ghi rõ tỷ lệ của khối lượng mua thêm nhưng không vượt quá 30% của khối lượng hạng mục dịch vụ tương ứng nêu trong Chương IV]; - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 30% [ghi tỷ lệ %].
E-CDNT 33.2	Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn _ 10 ngày [ghi rõ số ngày phù hợp với thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng] kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.
E-CDNT 34.2	- Người có thẩm quyền: _ Phan Hoàng San [ghi đầy đủ tên Người có thẩm quyền] + Địa chỉ: _ Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam [ghi đầy đủ địa chỉ, số điện thoại, số fax của Người có thẩm quyền]; + E-mail: _ SanPH@hcmpc.com.vn _ [ghi rõ Email của Người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu]. - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. (Các kênh khác tiếp nhận phản ánh trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu: Số ĐT đường dây nóng của Báo Đấu thầu (024.37686611); https://dauthau.evn.com.vn). Điện thoại: (028) 66848047 Fax: (028) 39104476 + E-mail: _ cskh@hcmpc.com.vn [ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].
E-CDNT 35	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: _ Không [ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

3009
TỜ
HIỆN
HỒ C
. T
O
KH
VI-7

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)			5		
1.1	Đã từng thực hiện gói thầu có tính chất tương tự (hợp đồng tương tự) mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) trong 03 năm gần đây (tính từ 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu). Tài liệu chứng minh: hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có), biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hợp đồng, hóa đơn GTGT. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì điểm của liên danh được lấy theo điểm của thành viên có điểm thấp nhất.			2	- Số lượng \geq 04 hợp đồng: 2 điểm; - Số lượng: 03 hợp đồng: 1 điểm; - Số lượng < 03 hợp đồng: 0 điểm	
1.2	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng/ nâng cấp/ phát triển hệ thống phần mềm (Căn cứ theo Hợp đồng đã thực hiện do nhà thầu cung cấp, tính đến thời điểm đóng thầu) Trường hợp là nhà thầu liên danh thì điểm của liên danh được lấy theo điểm của thành viên có điểm thấp nhất			1	- Kinh nghiệm \geq 5 năm: 1 điểm - Kinh nghiệm dưới 5 năm: 0 điểm	
1.3	Kinh nghiệm triển khai phần mềm hoặc cung cấp giải pháp kỹ thuật phù hợp với các hệ thống, ứng dụng sau: + Website CSKH tương tự evnhcmc.vn + Ứng dụng mobile CSKH (Android, iOS) + Hệ thống phần mềm CRM + Hệ thống phần mềm OMS + Hệ thống nhắn tin tập trung + Tổng đài tra cứu tiền điện tự động + Tổng đài tiếp nhận tự động báo mất điện + Tổng đài gọi ra khảo sát sự hài lòng khách hàng + Hệ thống đánh giá chất lượng cuộc gọi + Ứng dụng cảnh báo phiếu CRM trễ hạn + Tổng đài gọi ra Voice Brandname Tài liệu chứng minh: hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có), biên bản nghiệm thu.			2	- Triển khai từ 8 giải pháp liệt kê trên: 2 điểm - Triển khai < 8 giải pháp: 0 điểm	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)			5		
2.1	<p>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, nhà thầu không vi phạm những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thương thảo hợp đồng; - Có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng; - Thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi nhà thầu. <p>Tài liệu chứng minh: bản cam kết không có hợp đồng, gói thầu vi phạm các nội dung trên hoặc Bản kê khai danh sách hợp đồng, gói thầu thuộc các nội dung trên (nếu có).</p> <p>Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực sẽ được coi là gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Điều 4 E-CDNT.</p> <p>Trường hợp liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu. Điểm của liên danh được lấy theo điểm của thành viên có điểm thấp nhất</p>			5	<p>- Không có hợp đồng nào bị Chủ đầu tư (hoặc cơ quan có thẩm quyền) xử phạt vi phạm hợp đồng (bao gồm những trường hợp: không thương thảo hợp đồng và có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng, không có hợp đồng tương tự trước đó có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu) và có bản cam kết đáp ứng uy tín: 05 điểm</p> <p>- Có hợp đồng bị Chủ đầu tư (hoặc cơ quan có thẩm quyền) xử phạt vi phạm hợp đồng (bao gồm những trường hợp: không thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng, thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà</p>	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
					thầu) hoặc không có bản cam kết đáp ứng uy tín: 0 điểm	
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)			38		24
3.1	Hiểu rõ mục đích gói thầu			3		
3.1.1	Hiểu rõ mục tiêu nhiệm vụ của gói thầu			2	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày đầy đủ, phân tích chi tiết về mục tiêu, phạm vi, đối tượng sử dụng cũng như các nhiệm vụ (nếu có) phù hợp với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu: 02 điểm - Có trình bày đầy đủ nhưng chưa phân tích chi tiết về mục tiêu, phạm vi, đối tượng sử dụng cũng như các nhiệm vụ (nếu có) phù hợp với yêu cầu nêu trong điều khoản tham chiếu nhưng chưa đầy đủ: 01 điểm - Không trình bày hoặc có nhưng không đầy đủ, không phù hợp với gói thầu: 0 điểm 	
3.1.2	Trình bày dự kiến kết quả đạt được			1	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày kết quả đạt được phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của dự án: 01 điểm - Không có trình bày hoặc có nhưng không phù hợp với gói thầu: 0 điểm 	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận			20		
3.2.1	Cách tiếp cận			2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu trình bày rõ ràng cách tiếp cận kỹ thuật phù hợp sẽ áp dụng để thực hiện công việc: 02 điểm - Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày chưa rõ ràng cách tiếp cận kỹ thuật phù hợp sẽ áp dụng để thực hiện công việc: 0 điểm 	
3.2.2	Trình bày giải pháp kỹ thuật đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong điều khoản tham chiếu.			4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu trình bày giải pháp kỹ thuật và phân tích chi tiết để đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong điều khoản tham chiếu: 04 điểm - Nhà thầu trình bày giải pháp kỹ thuật nhưng chưa phân tích chi tiết hoặc phân tích chưa đầy đủ để đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong điều khoản tham chiếu: 01 điểm - Không thuộc các trường hợp trên: 0 điểm 	
3.2.3	Trình bày đầy đủ, chi tiết các công việc phải thực hiện, đáp ứng tất cả các yêu cầu được nêu trong điều khoản tham chiếu			3	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu trình bày đầy đủ, chi tiết các công việc phải thực hiện, đáp ứng tất cả với các yêu cầu được nêu trong điều 	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
					khoản tham chiếu: 03 điểm - Nhà thầu có trình bày nhưng chưa đầy đủ, chưa chi tiết các công việc phải thực hiện hoặc chưa đáp ứng tất cả các yêu cầu được nêu trong điều khoản tham chiếu: 01 điểm - Nhà thầu không đề xuất: 0 điểm	
3.2.4	Phân tích chi tiết, trình bày cách thực hiện từng chức năng của phần mềm trong điều khoản tham chiếu. Nội dung trình bày tại từng chức năng bao gồm: - Mô tả các trường hợp sử dụng của chức năng (người sử dụng, chức năng sử dụng) - Lưu đồ trường hợp sử dụng - Lưu đồ hoạt động - Bảng mô tả thông tin: + Tên Usecase + Mô tả chi tiết + Mức độ (đơn giản, bình thường, phức tạp) + Tác nhân (chính, phụ) + Điều kiện bắt buộc + Kết quả đạt được + Mô tả chi tiết các luồng hoạt động của chức năng			9	- Nhà thầu phân tích chi tiết, trình bày cách thực hiện phù hợp cho từng chức năng của phần mềm ($\geq 90\%$ số lượng chức năng) trong điều khoản tham chiếu: 09 điểm - Nhà thầu phân tích chi tiết, trình bày cách thực hiện phù hợp cho từng chức năng của phần mềm ($\geq 70\%$ số lượng chức năng) trong điều khoản tham chiếu: 07 điểm - Nhà thầu phân tích chi tiết, trình bày cách thực hiện phù hợp cho từng chức năng của phần mềm ($\geq 50\%$ số lượng chức năng) trong điều khoản tham chiếu: 05 điểm - Nhà thầu phân tích chi tiết, trình bày cách thực	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
					hiện phù hợp cho từng chức năng của phần mềm ($\geq 30\%$ số lượng chức năng) trong điều khoản tham chiếu: 03 điểm - Không thuộc các trường hợp trên: 0 điểm	
3.2.5	Cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều khoản tham chiếu			2	- Có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều khoản tham chiếu: 02 điểm - Không có cam kết đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều khoản tham chiếu: 0 điểm	
3.3	Sáng kiến cải tiến Có đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý dự án so với các quy định hiện hành của nhà nước			2	- Có đề xuất đầy đủ nội dung về sáng kiến cải tiến và đưa ra giải pháp cụ thể để thực hiện tốt hơn: 02 điểm - Có đề xuất về sáng kiến cải tiến nhưng không đưa ra được giải pháp cụ thể để thực hiện tốt hơn: 01 điểm - Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp: 0 điểm	

C. T. T. H
 HỒ
 H
 MINH

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.4	Cách trình bày			3	<p>- Trình bày giải pháp và phương pháp luận đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, khoa học, dễ theo dõi và đánh giá. Đánh chỉ mục đầy đủ cho các nội dung và có Bảng tham chiếu đáp ứng các yêu cầu tại E-HSMT: 03 điểm</p> <p>- Trình bày giải pháp và phương pháp luận đầy đủ nhưng chưa khoa học, chưa dễ theo dõi và đánh giá. Không đánh chỉ mục đầy đủ cho các nội dung hoặc không có Bảng tham chiếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại E-HSMT: 01 điểm</p> <p>- Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm</p>	
3.5	Kế hoạch triển khai			4		
3.5.1	Đề xuất kế hoạch triển khai thống nhất với cách tiếp cận và phương pháp luận, tiến độ thực hiện công việc.			2	<p>- Nhà thầu trình bày kế hoạch triển khai thống nhất với cách tiếp cận và phương pháp luận, tiến độ thực hiện công việc phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng: 02 điểm</p> <p>- Nhà thầu không đề xuất hoặc có đề xuất kế hoạch triển khai nhưng không thống nhất với cách tiếp cận</p>	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
					và phương pháp luận, hoặc tiến độ thực hiện công việc không phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng: 0 điểm	
3.5.2	Trình bày nội dung kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng, vận hành phần mềm			2	<ul style="list-style-type: none"> - Có trình bày nội dung kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng, vận hành phần mềm phù hợp: 02 điểm - Có trình bày nội dung kế hoạch đào tạo hướng dẫn sử dụng, vận hành phần mềm nhưng không phù hợp: 01 điểm - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm 	
3.6	<p>Bố trí nhân sự</p> <p>Nhân sự bố trí phù hợp cho gói thầu có tối thiểu các chức danh sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý dự án (PM). - Phân tích nghiệp vụ (BA). - Trưởng nhóm Lập trình (Dev). - Trưởng nhóm Cài đặt triển khai (DevOps). - Trưởng nhóm Kiểm thử chương trình phần mềm (Tester). <p>Có bảng tổng hợp danh sách nhân sự (Họ và tên, vị trí chức danh, bằng cấp chuyên ngành, số năm kinh nghiệm)</p>			3	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí đầy đủ các chức danh tham gia dự án theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu: 03 điểm - Bố trí thiếu 01 chức danh trở lên: 0 điểm 	



Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.7	<p>Cam kết nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết bảo mật thông tin, tài liệu nội bộ của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng. - Cam kết bảo hành theo nội dung quy định tại điều khoản tham chiếu. - Cam kết cụ thể danh mục các sản phẩm, tài liệu tối thiểu cần bàn giao bao gồm: Mã nguồn phần mềm; Hệ thống đã được cài đặt trên môi trường product; Tài liệu khảo sát; Tài liệu phân tích thiết kế; Tài liệu hướng dẫn cài đặt; Tài liệu kiểm thử hệ thống; Tài liệu hướng dẫn sử dụng; Bản quyền thương mại (nếu có) 			3	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ các bảng cam kết: 03 điểm - Không có cam kết hoặc có nhưng thiếu một trong 3 yêu cầu nêu trên: 0 điểm 	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)			50		36
4.1	Cán bộ quản lý, phụ trách dự án	PM	1	8		
4.1.1	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông. <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có) 			3	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ Đại học hoặc cao hơn: 03 điểm; - Trình độ Cao đẳng: 01 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm 	
4.1.2	<p>Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm.</p> <p>Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng đại học hoặc cao hơn.</p>			2	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm \geq 10 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm \geq 05 năm và $<$ 10 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm $<$ 05 năm: 0 điểm 	
4.1.3	<p>Kinh nghiệm tham gia đàm nhận vị trí quản lý, phụ trách (tư vấn xây dựng phần mềm) tương tự với gói thầu đang xét, từ năm 2022 trở lại đây.</p> <p>Tài liệu chứng minh: Nhân sự có tên trong danh sách thực hiện Hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc các giấy tờ khác và đàm nhận vị trí</p>			3	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện \geq 03 hợp đồng: 03 điểm. - Đã thực hiện 02 hợp đồng: 01 điểm - Đã thực hiện $<$ 02 hợp đồng: 0 	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	tương ứng có xác nhận của chủ đầu tư có giá trị tương đương.				điểm	
4.2	Cán bộ phân tích nghiệp vụ	BA	1	8		
4.2.1	Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông. Tài liệu chứng minh: - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có)			3	- Trình độ Đại học hoặc cao hơn: 03 điểm; - Trình độ Cao đẳng: 01 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm	
4.2.2	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm. Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.			2	- Kinh nghiệm \geq 05 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm \geq 03 năm và $<$ 05 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm $<$ 03 năm: 0 điểm	
4.2.3	Kinh nghiệm tham gia đảm nhận vị trí phân tích nghiệp vụ tương tự với gói thầu đang xét, từ năm 2022 trở lại đây. Tài liệu chứng minh: Nhân sự có tên trong danh sách thực hiện Hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc các giấy tờ khác và đảm nhận vị trí tương ứng có xác nhận của chủ đầu tư có giá trị tương đương.			3	- Đã thực hiện \geq 03 hợp đồng: 03 điểm. - Đã thực hiện 02 hợp đồng: 01 điểm - Đã thực hiện $<$ 2 hợp đồng: 0 điểm	
4.3	Trưởng nhóm Lập trình	Dev	1	8		
4.3.1	Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông. Tài liệu chứng minh: - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động			3	- Trình độ Đại học hoặc cao hơn: 03 điểm; - Trình độ Cao đẳng: 01 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm	

0951
CHI
TỔNG
N LƯC
O CHÍ
- TRU
CHI/
KHÁC
7-TF

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
	- Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có)					
4.3.2	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm. Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.			2	- Kinh nghiệm \geq 05 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm \geq 03 năm và $<$ 05 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm $<$ 03 năm: 0 điểm	
4.3.3	Kinh nghiệm tham gia đảm nhận vị trí trưởng nhóm lập trình tương tự với gói thầu đang xét, từ năm 2022 trở lại đây. Tài liệu chứng minh: Nhân sự có tên trong danh sách thực hiện Hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc các giấy tờ khác và đảm nhận vị trí tương ứng có xác nhận của chủ đầu tư có giá trị tương đương.			3	- Đã thực hiện \geq 03 hợp đồng: 03 điểm. - Đã thực hiện 02 hợp đồng: 01 điểm - Đã thực hiện $<$ 2 hợp đồng: 0 điểm	
4.4	Trưởng nhóm Cài đặt triển khai	DevOps	1	8		
4.4.1	Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông. Tài liệu chứng minh: - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có)			3	- Trình độ Đại học trở lên: 03 điểm; - Trình độ Cao đẳng: 01 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm	
4.4.2	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm. Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.			2	- Kinh nghiệm \geq 05 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm \geq 03 năm và $<$ 05 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm $<$ 03 năm: 0 điểm	

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.4.3	Kinh nghiệm tham gia đàm nhận vị trí trưởng nhóm cài đặt triển khai tương tự với gói thầu đang xét, từ năm 2022 trở lại đây. Tài liệu chứng minh: Nhân sự có tên trong danh sách thực hiện Hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc các giấy tờ khác và đàm nhận vị trí tương ứng có xác nhận của chủ đầu tư có giá trị tương đương.			3	- Đã thực hiện \geq 03 hợp đồng: 03 điểm. - Đã thực hiện 02 hợp đồng: 01 điểm - Đã thực hiện < 2 hợp đồng: 0 điểm	
4.5	Trưởng nhóm Kiểm thử chương trình phần mềm	Tester	1	8		
4.5.1	Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông Tài liệu chứng minh: - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có)			3	- Trình độ Đại học trở lên: 03 điểm; - Trình độ Cao đẳng: 01 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm	
4.5.2	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm. Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.			2	- Kinh nghiệm \geq 05 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm \geq 03 năm và < 05 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm < 03 năm: 0 điểm	
4.5.3	Kinh nghiệm tham gia đàm nhận vị trí trưởng nhóm kiểm thử tương tự với gói thầu đang xét, từ năm 2022 trở lại đây. Tài liệu chứng minh: Nhân sự có tên trong danh sách thực hiện Hợp đồng hoặc biên bản nghiệm thu hoặc thanh lý hoặc các giấy tờ khác và đàm nhận vị trí tương ứng có xác nhận của chủ đầu tư có giá trị tương đương.			3	- Đã thực hiện \geq 03 hợp đồng: 03 điểm. - Đã thực hiện 02 hợp đồng: 01 điểm - Đã thực hiện < 2 hợp đồng: 0 điểm	
4.6	Cán bộ lập trình	Dev	12	7		

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.6.1	<p>Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông.</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có) 			5	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ Đại học hoặc cao hơn: 05 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm 	
4.6.2	<p>Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm.</p> <p>Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.</p>			2	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm \geq 02 năm: 02 điểm - Kinh nghiệm $<$ 02 năm: 0 điểm 	
4.7	Cán bộ cài đặt triển khai	DevOps	3	3		
4.7.1	<p>Trình độ chuyên môn: Thuộc một trong các chuyên ngành công nghệ thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, tin học, tin học ứng dụng, toán tin ứng dụng, công nghệ kỹ thuật máy tính, điện điện tử, điện tử viễn thông.</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu lý lịch chuyên gia tư vấn - Hợp đồng lao động - Bản sao (công chứng) các bằng cấp liên quan (nếu có) 			2	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ Đại học trở lên: 02 điểm; - Không đáp ứng yêu cầu trên: 0 điểm 	
4.7.2	<p>Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng phần mềm.</p> <p>Tài liệu chứng minh: xác định theo năm tốt nghiệp trên bằng cao đẳng/đại học hoặc cao hơn.</p>			1	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm \geq 02 năm: 01 điểm - Kinh nghiệm $<$ 02 năm: 0 điểm 	
5	Yêu cầu về chuyên gia công nghệ (nếu có) (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)			2		2

Stt	Tiêu chuẩn	Vị trí	Số lượng	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
5.1	Nhà thầu trình bày chi tiết kế hoạch và phương án chuyển giao công nghệ phù hợp cho bộ phận kỹ thuật của chủ đầu tư.			2	Nhà thầu có trình bày chi tiết kế hoạch và phương án chuyển giao công nghệ phù hợp: 02 điểm. Nhà thầu không trình bày hoặc có trình bày nhưng không phù hợp: 0 điểm	
Tổng cộng (100%)				100		70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại điểm k khoản 6 Điều 16 và khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

3.1 Đối với phương pháp giá thấp nhất ¹ (không áp dụng)

Xác định giá thấp nhất:

- Xác định giá dự thầu;

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này

- Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Xếp hạng nhà thầu:

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian là: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là: E-HSDT có giá dự thầu sau giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

3.2 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá ¹ (áp dụng)

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

Tổ chuyên gia đề xuất tỷ trọng điểm như sau:

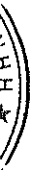
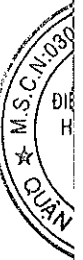
- K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; $K (\%) = 80$.
- G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; $G (\%) = 20$.

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Webform (đính kèm file Word/ Excel)	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh		X	
4	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
6	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
7	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
8	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc	Webform (đính kèm file Word/ Excel)		X
9	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
10	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				

11	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
12	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X
13	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
16	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí			X



Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

Stt	Mô tả công việc		Đơn vị tính	Khối lượng
	Nội dung cập nhật	Mô tả chi tiết		
A	Hiệu chỉnh và cập nhật các hệ thống phần mềm hiện hữu để phục vụ cho kế hoạch sát nhập đơn hành chính			123
I	Hệ thống: Website evnhcmc.vn			
I.1	Web360			
1	Ảnh hưởng tới chức năng liên kết PE.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị quản lý	Chức năng	01
2	Không ảnh hưởng tới chức năng của Web360	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
3	Không ảnh hưởng tới chức năng của Web360	Bổ sung danh mục địa chính	Chức năng	01
4	Sửa lại nội dung hiển thị ở chức năng thông tin PE, liên kết PE.	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
I.2	WebCSKH			
5	Ảnh hưởng tới API phần PE của các bên gọi vào như: Web360, Web CSKH, App CSKH Ảnh hưởng tới API phần phân người dùng thành nhân viên ngành điện ở Backoffice. Thêm dữ liệu vào database, điều chỉnh lại rule liên quan tới mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị quản lý Bổ sung danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
6	Ảnh hưởng tới API phần chức năng Tra cứu - Địa chỉ liên hệ trên App CSKH. Thêm dữ liệu vào database, điều chỉnh lại rule liên quan tới quan hệ	Hiệu chỉnh danh mục địa chính Bổ sung danh mục địa chính	Chức năng	01

	giữa Thanh Phố - Quận - Phường.			
II	Hệ thống: Mobile – App CSKH			
II.1	Màn hình Home			
7	Hiển thị mã PE đã liên kết (và nhiều màn hình khác). Vị trí: Header	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
8	Hiển thị mã PE đang được chọn có hoá đơn. Vị trí: Card thông tin thanh toán hoá đơn.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
9	Hiển thị mã PE đang được chọn để hiển thị chart. Vị trí: Chart home.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
10	Title header, Header - mã PE đã liên kết	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
11	Mã PE, Header - mã PE đã liên kết	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
12	Địa chỉ, Header - mã PE đã liên kết	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
13	Title header, label input, place holder, warning; Header - add mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
14	Icon mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, design) Thay đổi icon	Chức năng	01
15	Scan mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, logic code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" trên mobile	Chức năng	01
16	Scan mã PE; Header - add mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
17	Validate mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, logic code) Hiệu chỉnh	Chức năng	01

		cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" trên mobile		
18	Title header; Chart – danh sách mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
19	Danh sách mã PE; Chart – danh sách mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
20	Header title, chart title, chart descriptions, chart icon; Chưa có mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
21	Header title, description, icon; Chưa có mã PE - chart - liên kết mã PE ngay	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
22	Center description; Chưa đăng nhập	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
II.2	Màn hình tra cứu			
23	Hiển thị mã PE; Header dropdown Xem chi tiết, hoá đơn: hiển thị bảng kê và hoá đơn GTGT; Hoá đơn điện tử	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" Hiệu chỉnh danh mục địa chính và đơn vị	Chức năng	01
24	Dropdown khu vực cần tra cứu; Lịch cắt điện - khu vực	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
25	Dropdown khu vực cần tra cứu, search; Điểm thu hộ	Hiệu chỉnh danh mục địa chính và thông tin liên hệ	Chức năng	01
26	Ggmaps; Điểm thu hộ	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01

27	Hiển thị hợp đồng; Hợp đồng sử dụng điện, xem chi tiết	Hiệu chỉnh danh mục địa chính và đơn vị	Chức năng	01
28	Tab label; Giá bán điện	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
29	Dropdown danh sách công ty điện lực (tên công ty, địa chỉ, khu vực); Địa chỉ liên hệ và tài khoản ngân hàng	Hiệu chỉnh thông tin địa chỉ liên hệ và tài khoản ngân hàng của Điện lực	Chức năng	01
30	Header title, header description, header icon; Chưa có mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
31	Icon, description, button title; Chưa có mã PE - chức năng tra cứu	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
II.3	Màn hình Giao dịch			
32	Dropdown quận huyện, phường xã; Cấp điện lưới hạ áp	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
33	Dropdown quận huyện, phường xã; Cấp điện lưới trung áp	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
II.4	Màn hình Cài đặt			
34	Title; Liên kết mã PE	(Sửa code, design) Thay đổi icon	Chức năng	01
35	Icon tab; Liên kết mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"	Chức năng	01
III	Hệ thống: Tổng đài tra cứu tiền điện tự động			
III.1	Kịch bản IVR			
36	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
37	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR	Chức năng	01
III.2	API Backend			

38	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
III.3	Tài liệu đặc tả API			
39	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
IV	Điện thoại viên tiếp nhận tự động báo mất điện (sử dụng NLP)			
IV.1	Kịch bản IVR			
40	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
41	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR	Chức năng	01
IV.2	API Backend			
42	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác xác định địa chỉ khách hàng)	Chức năng	01
43	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và Entity Get list: Intent và Entity)	Chức năng	01
44	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)	Chức năng	01
IV.3	Tài liệu đặc tả API			
45	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
IV.4	Kịch bản thiết lập kịch bản			
46	Intent – ý định và Entity – thực thể để nhận diện	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
V	Gọi ra khảo sát sự hài lòng khách hàng (sử dụng NLP)			
V.1	Kịch bản IVR			
47	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
48	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR	Chức năng	01
V.2	API Backend			
49	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác	Chức năng	01

		xác định địa chỉ khách hàng)		
50	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và EntityGet list: Intent và Entity)	Chức năng	01
51	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)	Chức năng	01
V.3	Tài liệu đặc tả API			
52	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
V.4	Danh sách đơn vị			
53	Cập nhật danh mục đơn vị mới	Hiệu chỉnh và bổ sung danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
VI	Đánh giá chất lượng cuộc gọi (sử dụng NLP)			
VI.1	Kịch bản IVR			
54	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
55	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR	Chức năng	01
VI.2	API Backend			
56	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác xác định địa chỉ khách hàng)	Chức năng	01
57	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và EntityGet list: Intent và Entity)	Chức năng	01
58	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)	Chức năng	01
VI.3	Tài liệu đặc tả API			
59	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Chức năng	01
VI.4	Kịch bản thiết lập kịch bản			

60	Cập nhật danh mục đơn vị mới	Hiệu chỉnh và bổ sung danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
VII	Tổng đài gọi ra voice brandname			
VII.1	Kịch bản thiết lập kịch bản gọi ra			
61	Cập nhật đơn vị	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Chức năng	01
62	Bổ sung đơn vị và khởi tạo tài khoản	Bổ sung thêm danh mục đơn vị	Chức năng	01
63	Cập kịch bản Outbound group tương ứng theo đơn vị mới	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị (Cập kịch bản Outbound group tương ứng theo đơn vị mới)	Chức năng	01
64	Cập nhật cho dữ liệu lịch sử cuộc gọi	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị (Cập nhật cho dữ liệu lịch sử cuộc gọi)	Chức năng	01
VIII	CRM			
VIII.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC			
65	Sao lưu dữ liệu, ứng dụng hiện có	Sao lưu dữ liệu và ứng dụng hiện hữu phục vụ cho quá trình chuyển đổi	Chức năng	01
66	Cài đặt hạ tầng máy chủ lưu trữ để tra cứu lịch sử	Thiết lập hệ thống dự phòng phục vụ cho chức năng tra cứu lịch sử theo danh mục đơn vị và địa chính cũ	Chức năng	01
67	Cài đặt hạ tầng máy chủ sáp nhập	Chuẩn bị các thành phần hệ thống mới phục vụ cho các chức năng và dữ liệu sau sáp nhập	Chức năng	01
68	Restore dữ liệu CRM HCMC vào hạ tầng lịch sử và hạ tầng sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu đã sao lưu lên hệ thống sáp nhập	Chức năng	01
69	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị	Chức năng	01

		mới		
70	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Thiết lập và cập nhật lại danh mục theo cấp địa chính mới	Chức năng	01
71	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị và các tài khoản cho cấu trúc sát nhập	Chức năng	01
72	Cập nhật đơn vị cho các phiếu yêu cầu theo danh mục đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị sát nhập trên dữ liệu phiếu yêu cầu hiện tại	Chức năng	01
73	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
74	Hiệu chỉnh job đóng phiếu CMIS	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu CMIS trên CRM	Chức năng	01
75	Chuyển đổi vận hành chính thức trên hạ tầng sáp nhập	Kiểm thử và xác nhận dữ liệu để chuyển đổi hoạt động chính thức sang hạ tầng sát nhập	Chức năng	01
VIII.2 Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu				
76	Sao lưu dữ liệu, ứng dụng hiện có	Sao lưu dữ liệu và ứng dụng hiện hữu phục vụ cho quá trình chuyển đổi	Chức năng	01
77	Restore dữ liệu CRM HCMC vào hạ tầng lịch sử và hạ tầng sáp nhập	Thiết lập hệ thống dự phòng phục vụ cho chức năng tra cứu lịch sử theo danh mục đơn vị và địa chính cũ	Chức năng	01
78	Restore dữ liệu Bình Dương và Vũng Tàu vào hạ tầng lưu trữ lịch sử	Import dữ liệu đã sao lưu vào hạ tầng lưu trữ lịch sử	Chức năng	01
79	Mapping dữ liệu loại dịch vụ của SPC và HCMC	Đồng bộ dữ liệu các loại dữ liệu của các hệ thống	Chức năng	01

80	Cấu hình đơn vị/phòng/tổ cho các đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị và các tài khoản cho cấu trúc sát nhập	Chức năng	01
81	Chuyển dữ liệu của Bình Dương, Vũng Tàu vào máy chủ sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lên hệ thống sát nhập	Chức năng	01
82	Đào tạo quản trị CRM cho các đơn vị mới	Hướng dẫn vận hành quản trị hệ thống CRM cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
83	Đào tạo người dùng cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống CRM cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
84	Cấu hình đơn vị/phòng/tổ cho các đơn vị mới	Cấu hình và thiết lập sơ đồ tổ chức của đơn vị sát nhập	Chức năng	01
85	Cấp tài khoản cho người dùng mới	Khởi tạo tài khoản phân quyền theo sơ đồ tổ chức	Chức năng	01
86	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
87	Hiệu chỉnh job đóng phiếu CMIS	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu CMIS trên CRM	Chức năng	01
88	Hỗ trợ vận hành onsite tại các đơn vị sáp nhập	Nhận sự hỗ trợ Onsite vận hành tại 05 địa điểm của đơn vị Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
IX	OMS			
IX.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC			
89	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị mới	Chức năng	01

90	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
91	Hiệu chỉnh job đóng cắt điện KH	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu cắt điện	Chức năng	01
92	Hiệu chỉnh sắp nhập lưới và vẽ lại sơ đồ lưới nếu đơn vị không sắp nhập trọng vẹn lưới đang quản lý	Hiệu chỉnh sát nhập và sơ đồ mạng lưới theo danh mục các đơn vị sát nhập	Chức năng	01
93	Cập nhật đơn vị cho lịch sử mất điện	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho lịch sử mất điện	Chức năng	01
94	Cập nhật đơn vị cho lịch cắt điện	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho lịch cắt điện	Chức năng	01
95	Hiệu chỉnh các job tính toán độ tin cậy	Cập nhật các job tính toán dữ liệu theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
96	Hiệu chỉnh job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa	Cập nhật các job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
IX.2	Sắp nhập Bình Dương, Vũng Tàu			
97	Bổ sung danh mục đơn vị	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
98	Vẽ lưới cho các đơn vị mới	Vẽ lưới cho các danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
99	Hiệu chỉnh job đồng bộ KH	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
100	Chuyển dữ liệu lịch sử mất điện của các đơn vị mới vào hạ tầng sắp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lịch sử mất điện của các đơn vị mới lên hệ thống sát nhập	Chức năng	01

101	Chuyển dữ liệu lịch cắt điện của các đơn vị mới vào hạ tầng sáp nhập	Chuyên đổi và cập nhật dữ liệu lịch cắt điện của các đơn vị mới lên hệ thống sát nhập	Chức năng	01
102	Hiệu chỉnh job đóng cắt điện KH	Cập nhật các job đóng cắt điện theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
103	Hiệu chỉnh các job tính toán độ tin cậy	Cập nhật các job tính toán dữ liệu theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
104	Hiệu chỉnh job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa	Cập nhật các job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
X	Hệ thống nhắn tin tập trung			
X.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC			
105	Restore dữ liệu hiện có vào hạ tầng thử nghiệm sáp nhập	Chuyên đổi và cập nhật dữ liệu lên hệ thống sát nhập	Chức năng	01
106	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
107	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
108	Cập nhật đơn vị cho các tin nhắn theo danh mục đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho các tin nhắn	Chức năng	01
109	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
110	Hiệu chỉnh job đồng bộ thông tin liên hệ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin liên hệ khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01

X.2	Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu			
111	Xây dựng ứng dụng tra cứu tin nhắn lịch sử	Triển khai hệ thống tra cứu lịch sử tin nhắn cho các đơn vị sát nhập	Chức năng	01
112	Bổ sung danh mục đơn vị cho các đơn vị mới	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
113	Đào tạo quản trị CNS cho các đơn vị mới	Hướng dẫn vận hành quản trị hệ thống CNS cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
114	Đào tạo người dùng CNS cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống CNS cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
115	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
116	Hiệu chỉnh job đồng bộ thông tin liên hệ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin liên hệ khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới	Chức năng	01
117	Hỗ trợ vận hành onsite tại các đơn vị sáp nhập	Nhận sự hỗ trợ Onsite vận hành tại 05 địa điểm của đơn vị Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
XI	App cảnh báo phiếu CRM trễ hạn			
XI.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC			
118	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Cập nhật và thiết lập danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
119	Cập nhật đơn vị cho các cuộc gọi theo danh mục đơn vị mới	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới cho các cuộc gọi	Chức năng	01
120	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cấu hình thiết lập phân quyền các tài khoản phụ trách đơn	Chức năng	01

33009
TỔ
DIỄN
HỒ C
- T
C
KH
17-1

		vi sát nhập.		
XI.2	Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu			
121	Bổ sung danh mục đơn vị cho các đơn vị mới	Cập nhật và thiết lập danh mục đơn vị mới	Chức năng	01
122	Đào tạo người dùng sử dụng cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống App cảnh báo phiếu CRM trễ hạn cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu	Chức năng	01
123	Cấp mới tài khoản sử dụng cho các đơn vị mới	Khởi tạo tài khoản phân quyền theo sơ đồ tổ chức	Chức năng	01
B	Thực hiện đào tạo và chuyển giao hệ thống cho các đơn vị sử dụng sau sát nhập, hỗ trợ vận hành sau đào tạo và chuyển giao trong 30 ngày làm việc.			
1	Thiết lập mục tiêu và kế hoạch phân bổ nhân sự hỗ trợ cho 05 địa điểm sát nhập tại Bình dương và Vũng tàu. Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành TT CSKH EVNHCM. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 03 ngày. Tài liệu: - Checklist Đào tạo sử dụng hệ thống - Xác nhận của Bên cung cấp và tiếp nhận		Gói	01
2	Chuẩn bị nguồn lực nhân sự hỗ trợ: Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành TT CSKH EVNHCM. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 02 ngày.		Gói	01
3	Tiếp nhận đào tạo nghiệp vụ Đối tượng phục vụ: Chuyên viên đào tạo. Số lượng nhân sự thực hiện: 06 người. Thời gian: 05 buổi. Tài liệu: - Tài liệu hướng dẫn sử dụng các hệ thống - Mô tả vận hành theo hệ thống		Gói	01

4	Kiểm tra kết quả tiếp nhận đào tạo nghiệp vụ Đối tượng phục vụ: Chuyên viên đào tạo. Số lượng nhân sự thực hiện: 01 người. Thời gian: 02 ngày. Tài liệu: - Bài kiểm tra nghiệp vụ - Trình bày hệ thống	Gói	01
5	Xác nhận lịch trình đào tạo chi tiết từ 05 đơn vị: Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành Trung tâm CSKH EVNHCMC. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 03 ngày.	Gói	01
6	Đào tạo, hướng dẫn hệ thống tại chỗ cho 05 đơn vị nghiệp vụ (Onsite) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trưởng ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 04 ngày. Tài liệu: Hướng dẫn sử dụng các hệ thống phần mềm liên quan	Gói	01
7	Bàn giao tài liệu Đào tạo Đối tượng phục vụ: Tất cả Trưởng ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 01 ngày. Tài liệu: - Tài liệu hướng dẫn sử dụng - Biên bản tiếp nhận tài liệu Đào tạo	Gói	01
8	Hỗ trợ vận hành (Onsite) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trưởng ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 25 ngày. Tài liệu: - Tài liệu nhật ký hỗ trợ	Gói	01

9	Hỗ trợ vận hành (Online) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trưởng ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 10. Thời gian: 25 ngày. Tài liệu: - Tài liệu nhật ký hỗ trợ	Gói	01
---	--	-----	----

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>		

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
1	<i>Dẫn chiếu đến yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương V</i>
2	

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾**(thuộc E-HSĐXKT)**

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất từ E-TBMT]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾.
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các

9-03
 ANH
 NG T
 ANH
 H TN
 TAM
 SÓC
 IANG
 001

hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ [Ghi số năm]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc <i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i>	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng <i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i>	Vai trò trong công việc <i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i>	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i> Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	[Ví dụ: K-1, TRƯỜNG NHÓM]
Tên chuyên gia tư vấn:	[điền tên đầy đủ]
Ngày sinh:	[ngày/tháng/năm]
Quốc tịch:	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]						Tổng
		1	2	3	4	5	
1	[<i>Vi dụ: Hàng mục công việc 1:</i> 1) <i>Thu thập dữ liệu</i> 2) <i>Soạn thảo báo cáo</i> 3) <i>Báo cáo sơ bộ</i> 4) <i>Tổng hợp ý kiến</i> 5) ... 6) <i>Báo cáo cuối cùng</i>]							
2	[<i>Hàng mục công việc 2</i>]							
...								
n								

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
 (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Tên	Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu	Chức danh bố trí trong gói thầu	Cách thức huy động	Địa điểm làm việc	Số công [Chọn người/tháng hoặc người/ngày] ¹			Tổng số tháng công/ngày công
						Hạng mục công việc 1	Hạng mục công việc 2	...	
I	Nhân sự chủ chốt ³								
1	Nguyễn Văn A		[Hệ thống trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III]	[Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
2					[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]
				[Công ty]				
	Số công nhân sự chủ chốt				[Thực địa]				
II	Nhân sự khác								
1			[Nhà thầu điền]	Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]	[Công ty]				[Hệ thống tự tính]
2				[Thực địa]				[Hệ thống tự tính]

	Số công nhân sự khác									
--	----------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSMT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 11 (webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ___ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

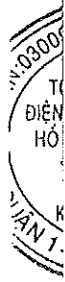
Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [Hệ thống tự động tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [Hệ thống tự động trích xuất].

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.



Mẫu số 12 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG THỦ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bổ trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thủ lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thủ lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I	Nhân sự chủ chốt						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(a)	(a) + (b)
2		Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	(b)	
II	Nhân sự khác						
1	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]	Công ty	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
2		Thực địa	[Hệ thống trích xuất từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thủ lao]	[Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 09]		
						Tổng cộng	(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điện trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thủ lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thủ lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A để Hệ thống trích xuất thông tin vào cột này.
- (6) (7): Hệ thống tự tính

Mẫu số 12A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty Thực địa							
...			Công ty Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của Chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

Cột (3): Hệ thống tự động tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Hệ thống trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Hệ thống tự động tính.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Hệ thống tự trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: Hệ thống tự tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

- Tên dự án: Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM
- Tên gói thầu: Mở rộng các phần mềm chăm sóc khách hàng phục vụ công tác sắp xếp các đơn vị trong Tổng công ty Điện lực TP.HCM
- Tên chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
- Nguồn vốn: Khấu hao cơ bản của Tổng công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh
- Địa điểm dự án: 35 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

II. Phạm vi công việc:

1. Mục tiêu dự án:

Dự án triển khai cập nhật hiệu chỉnh các hệ thống cho kế hoạch sáp nhập để:

- Đáp ứng cho hoạt động vận hành của TTCSKH EVNHCMC sau khi sáp nhập các đơn vị.
- Đảm bảo hệ thống được chuyển giao đúng và đủ đến các đơn vị thành viên.
- Đáp ứng các nghiệp vụ vận hành hiện tại với các cập nhật và hiệu chỉnh sau khi sáp nhập.
- Đảm bảo người dùng và vận hành hiệu quả thông qua việc kết hợp nhân sự onsite hỗ trợ và nhóm nhân sự hỗ trợ tức trực từ xa.
- Dự án đóng vai trò hoàn thiện tổng thể các hệ thống CNTT tại Trung tâm CSKH của EVNHCMC, hướng tới một nền tảng quản trị thông minh, đồng bộ, phù hợp với kế hoạch sáp nhập các chi nhánh và đơn vị hành chính trực thuộc.

2. Phạm vi thực hiện:

- Hiệu chỉnh và cập nhật các hệ thống phần mềm được nêu tại Mục 4.2 của Tiêu chuẩn kỹ thuật để phục vụ cho kế hoạch sáp nhập đơn hành chính (Chủ đầu tư phối hợp, cung cấp các thông tin kỹ thuật của tất cả các phần mềm liên quan cho nhà thầu sau khi ký hợp đồng).
- Thực hiện đào tạo cho người dùng và hỗ trợ vận hành tại các đơn vị trong 30 ngày sau sáp nhập (*bao gồm tất cả các hệ thống phần mềm được nêu tại Mục 4.2 của Tiêu chuẩn kỹ thuật*).

- Thực hiện chuyên giao công nghệ và hướng dẫn vận hành hệ thống cho chủ đầu tư (bao gồm tất cả các hệ thống phần mềm được nêu tại Mục 2. của Tiêu chuẩn kỹ thuật).

3. Đối tượng sử dụng

- Các cấp quản lý, lãnh đạo các đơn vị.
- Đội ngũ quản trị vận hành, quản lý tổng thể vận hành hệ thống, giám sát.
- Người dùng sử dụng các hệ thống của tất cả các đơn vị.

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật

4.1. Yêu cầu về công nghệ phát triển

Danh sách các công nghệ đáp ứng tất cả các phần mềm thuộc Mục

4.2. Yêu cầu về tính năng, bao gồm:

- Ngôn ngữ lập trình: JS/Typescript, PHP, C#, C++, Python, Java.
- Platform: NodeJS/NextJS API: tiêu chuẩn Restful API/Microservice, GraphQL, gRPC.
- Reverse Proxy: Nginx.
- Hệ quản trị CSDL: MongoDB, PostgreSQL 14.
- Cache: Redis.
- Cơ chế xác thực bảo mật: OAuth 2.0, JWT (JSON Web Token), API Key.
- Kiến trúc: Microservice, MVC, MVVM, Hexagonal Architecture, CQRS, Event-Driven Architecture.
- Giao thức kết nối thời gian thực: WebSocket.

4.2. Yêu cầu về tính năng

Các chức năng của hệ thống bao gồm các chức năng thể hiện trong mục dưới đây:

Stt	Nội dung cập nhật	Mô tả chi tiết
A	Hiệu chỉnh và cập nhật các hệ thống phần mềm hiện hữu để phục vụ cho kế hoạch sát nhập đơn hành chính	
I	Hệ thống: Website evnhcmc.vn	
I.1	Web360	
1	Ảnh hưởng tới chức năng liên kết PE.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị quản lý
2	Không ảnh hưởng tới chức năng của Web360	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
3	Không ảnh hưởng tới chức năng của Web360	Bổ sung danh mục địa chính

4	Sửa lại nội dung hiển thị ở chức năng thông tin PE, liên kết PE.	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
I.2	WebCSKH	
5	Ảnh hưởng tới API phần PE của các bên gọi vào như: Web360, Web CSKH, App CSKH Ảnh hưởng tới API phần phân người dùng thành nhân viên ngành điện ở Backoffice. Thêm dữ liệu vào database, điều chỉnh lại rule liên quan tới mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị quản lý Bổ sung danh mục đơn vị mới
6	Ảnh hưởng tới API phần chức năng Tra cứu - Địa chỉ liên hệ trên App CSKH. Thêm dữ liệu vào database, điều chỉnh lại rule liên quan tới quan hệ giữa Thanh Phố - Quận - Phường.	Hiệu chỉnh danh mục địa chính Bổ sung danh mục địa chính
II	Hệ thống: Mobile – App CSKH	
II.1	Màn hình Home	
7	Hiển thị mã PE đã liên kết (và nhiều màn hình khác). Vị trí: Header	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
8	Hiển thị mã PE đang được chọn có hoá đơn. Vị trí: Card thông tin thanh toán hoá đơn.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
9	Hiển thị mã PE đang được chọn để hiển thị chart. Vị trí: Chart home.	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
10	Title header, Header - mã PE đã liên kết	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
11	Mã PE, Header - mã PE đã liên kết	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
12	Địa chỉ, Header - mã PE đã liên kết	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
13	Title header, label input, place holder, warning; Header - add mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
14	Icon mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, design) Thay đổi icon
15	Scan mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, logic code)

		Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" trên mobile
16	Scan mã PE; Header - add mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
17	Validate mã PE; Header - add mã PE	(Sửa code, logic code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" trên mobile
18	Title header; Chart – danh sách mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
19	Danh sách mã PE; Chart – danh sách mã PE	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
20	Header title, chart title, chart descriptions, chart icon; Chưa có mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
21	Header title, description, icon; Chưa có mã PE - chart - liên kết mã PE ngay	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
22	Center description; Chưa đăng nhập	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
II.2	Màn hình tra cứu	
23	Hiển thị mã PE; Header dropdown Xem chi tiết, hoá đơn: hiển thị bảng kê và hoá đơn GTGT; Hoá đơn điện tử	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB" Hiệu chỉnh danh mục địa chính và đơn vị
24	Dropdown khu vực cần tra cứu; Lịch cắt điện - khu vực	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
25	Dropdown khu vực cần tra cứu, search; Điểm thu hộ	Hiệu chỉnh danh mục địa chính và thông tin liên hệ
26	Ggmaps; Điểm thu hộ	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
27	Hiển thị hợp đồng; Hợp đồng sử dụng	Hiệu chỉnh danh mục địa

	điện, xem chi tiết	chính và đơn vị
28	Tab label; Giá bán điện	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
29	Dropdown danh sách công ty điện lực (tên công ty, địa chỉ, khu vực); Địa chỉ liên hệ và tài khoản ngân hàng	Hiệu chỉnh thông tin địa chỉ liên hệ và tài khoản ngân hàng của Điện lực
30	Header title, header description, header icon; Chưa có mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
31	Icon, description, button title; Chưa có mã PE - chức năng tra cứu	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
II.3	Màn hình Giao dịch	
32	Dropdown quận huyện, phường xã; Cấp điện lưới hạ áp	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
33	Dropdown quận huyện, phường xã; Cấp điện lưới trung áp	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
II.4	Màn hình Cài đặt	
34	Title; Liên kết mã PE	(Sửa code, design) Thay đổi icon
35	Icon tab; Liên kết mã PE	(Sửa code) Hiệu chỉnh cụm từ "Mã PE" thành "Mã khách hàng" hoặc "Mã PE/PB"
III	Hệ thống: Tổng đài tra cứu tiền điện tự động	
III.1	Kịch bản IVR	
36	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
37	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR
III.2	API Backend	
38	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
III.3	Tài liệu đặc tả API	
39	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
IV	Điện thoại viên tiếp nhận tự động báo mất điện (sử dụng NLP)	
IV.1	Kịch bản IVR	

40	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
41	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR
IV.2	API Backend	
42	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác xác định địa chỉ khách hàng)
43	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và Entity) Get list: Intent và Entity
44	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)
IV.3	Tài liệu đặc tả API	
45	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
IV.4	Kịch bản thiết lập kịch bản	
46	Intent – ý định và Entity – thực thể để nhận diện	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
V	Gọi ra khảo sát sự hài lòng khách hàng (sử dụng NLP)	
V.1	Kịch bản IVR	
47	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
48	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR
V.2	API Backend	
49	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác xác định địa chỉ khách hàng)
50	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và Entity) Get list: Intent và Entity
51	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)
V.3	Tài liệu đặc tả API	
52	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
V.4	Danh sách đơn vị	
53	Cập nhật danh mục đơn vị mới	Hiệu chỉnh và bổ sung danh mục đơn vị mới

VI	Đánh giá chất lượng cuộc gọi (sử dụng NLP)	
VI.1	Kịch bản IVR	
54	Nội dung Audio	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
55	Thiết lập Audio mapping cho IVR	Cấu hình kịch bản IVR
VI.2	API Backend	
56	Tương tác xác định địa chỉ khách hàng	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Tương tác xác định địa chỉ khách hàng)
57	Get list: Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Get list: Intent và Entity)
58	Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity	Hiệu chỉnh danh mục địa chính (Thêm/ Xoá/ Sửa Intent và Entity)
VI.3	Tài liệu đặc tả API	
59	Param dữ liệu kèm theo mô tả	Hiệu chỉnh danh mục địa chính
VI.4	Kịch bản thiết lập kịch bản	
60	Cập nhật danh mục đơn vị mới	Hiệu chỉnh và bổ sung danh mục đơn vị mới
VII	Tổng đài gọi ra voice brandname	
VII.1	Kịch bản thiết lập kịch bản gọi ra	
61	Cập nhật đơn vị	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị
62	Bổ sung đơn vị và khởi tạo tài khoản	Bổ sung thêm danh mục đơn vị
63	Cập kịch bản Outbound group tương ứng theo đơn vị mới	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị (Cập kịch bản Outbound group tương ứng theo đơn vị mới)
64	Cập nhật cho dữ liệu lịch sử cuộc gọi	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị (Cập nhật cho dữ liệu lịch sử cuộc gọi)
VIII	CRM	
VIII.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC	
65	Sao lưu dữ liệu, ứng dụng hiện có	Sao lưu dữ liệu và ứng dụng hiện hữu phục vụ cho quá trình chuyển đổi
66	Cài đặt hạ tầng máy chủ lưu trữ để tra cứu lịch sử	Thiết lập hệ thống dự phòng phục vụ cho chức

3511
CHÍNH
ĐỒNG C
LƯC T
CHẾ M
TRUNG
CHẤM
HÁCH
T P I

		năng tra cứu lịch sử theo danh mục đơn vị và địa chính cũ
67	Cài đặt hạ tầng máy chủ sáp nhập	Chuẩn bị các thành phần hệ thống mới phục vụ cho các chức năng và dữ liệu sau sáp nhập
68	Restore dữ liệu CRM HCMC vào hạ tầng lịch sử và hạ tầng sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu đã sao lưu lên hệ thống sáp nhập
69	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị mới
70	Hiệu chỉnh danh mục địa chính	Thiết lập và cập nhật lại danh mục theo cấp địa chính mới
71	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị và các tài khoản cho cấu trúc sáp nhập
72	Cập nhật đơn vị cho các phiếu yêu cầu theo danh mục đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị sáp nhập trên dữ liệu phiếu yêu cầu hiện tại
73	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
74	Hiệu chỉnh job đóng phiếu CMIS	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu CMIS trên CRM
75	Chuyển đổi vận hành chính thức trên hạ tầng sáp nhập	Kiểm thử và xác nhận dữ liệu để chuyển đổi hoạt động chính thức sang hạ tầng sáp nhập
VIII.2	Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu	
76	Sao lưu dữ liệu, ứng dụng hiện có	Sao lưu dữ liệu và ứng dụng hiện hữu phục vụ cho quá trình chuyển đổi
77	Restore dữ liệu CRM HCMC vào hạ tầng lịch sử và hạ tầng sáp nhập	Thiết lập hệ thống dự phòng phục vụ cho chức năng tra cứu lịch sử theo danh mục đơn vị và địa chính cũ
78	Restore dữ liệu Bình Dương và Vũng Tàu vào hạ tầng lưu trữ lịch sử	Import dữ liệu đã sao lưu vào hạ tầng lưu trữ lịch sử

79	Mapping dữ liệu loại dịch vụ của SPC và HCMC	Đồng bộ dữ liệu các loại dữ liệu của các hệ thống
80	Cấu hình đơn vị/phòng/tổ cho các đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị và các tài khoản cho cấu trúc sát nhập
81	Chuyển dữ liệu của Bình Dương, Vũng Tàu vào máy chủ sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lên hệ thống sát nhập
82	Đào tạo quản trị CRM cho các đơn vị mới	Hướng dẫn vận hành quản trị hệ thống CRM cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu
83	Đào tạo người dùng cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống CRM cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu
84	Cấu hình đơn vị/phòng/tổ cho các đơn vị mới	Cấu hình và thiết lập sơ đồ tổ chức của đơn vị sát nhập
85	Cấp tài khoản cho người dùng mới	Khởi tạo tài khoản phân quyền theo sơ đồ tổ chức
86	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
87	Hiệu chỉnh job đóng phiếu CMIS	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu CMIS trên CRM
88	Hỗ trợ vận hành onsite tại các đơn vị sáp nhập	Nhận sự hỗ trợ Onsite vận hành tại 05 địa điểm của đơn vị Bình Dương và Vũng Tàu
IX	OMS	
IX.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC	
89	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị mới
90	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
91	Hiệu chỉnh job đóng cắt điện KH	Cập nhật các job định kỳ thực hiện đóng phiếu cắt điện
92	Hiệu chỉnh sáp nhập lưới và vẽ lại sơ đồ	Hiệu chỉnh sát nhập và sơ

	lưới nếu đơn vị không sáp nhập trọng vẹn lưới đang quản lý	đồ mạng lưới theo danh mục các đơn vị sát nhập
93	Cập nhật đơn vị cho lịch sử mất điện	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho lịch sử mất điện
94	Cập nhật đơn vị cho lịch cắt điện	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho lịch cắt điện
95	Hiệu chỉnh các job tính toán độ tin cậy	Cập nhật các job tính toán dữ liệu theo danh mục đơn vị và địa chính mới
96	Hiệu chỉnh job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa	Cập nhật các job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa theo danh mục đơn vị và địa chính mới
IX.2	Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu	
97	Bổ sung danh mục đơn vị	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới
98	Vẽ lưới cho các đơn vị mới	Vẽ lưới cho các danh mục đơn vị mới
99	Hiệu chỉnh job đồng bộ KH	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
100	Chuyển dữ liệu lịch sử mất điện của các đơn vị mới vào hạ tầng sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lịch sử mất điện của các đơn vị mới lên hệ thống sát nhập
101	Chuyển dữ liệu lịch cắt điện của các đơn vị mới vào hạ tầng sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lịch cắt điện của các đơn vị mới lên hệ thống sát nhập
102	Hiệu chỉnh job đóng cắt điện KH	Cập nhật các job đóng cắt điện theo danh mục đơn vị và địa chính mới
103	Hiệu chỉnh các job tính toán độ tin cậy	Cập nhật các job tính toán dữ liệu theo danh mục đơn vị và địa chính mới
104	Hiệu chỉnh job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa	Cập nhật các job nhắn tin báo mất điện từ tín hiệu đo xa theo danh mục đơn vị và địa chính mới
X	Hệ thống nhắn tin tập trung	
X.1	Sáp nhập nội bộ EVNHCMC	

105	Restore dữ liệu hiện có vào hạ tầng thử nghiệm sáp nhập	Chuyển đổi và cập nhật dữ liệu lên hệ thống sát nhập
106	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Thiết lập và cập nhật lại danh mục đơn vị mới
107	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới
108	Cập nhật đơn vị cho các tin nhắn theo danh mục đơn vị mới	Cập nhật thông tin đơn vị quản trị cho các tin nhắn
109	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
110	Hiệu chỉnh job đồng bộ thông tin liên hệ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin liên hệ khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
X.2	Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu	
111	Xây dựng ứng dụng tra cứu tin nhắn lịch sử	Triển khai hệ thống tra cứu lịch sử tin nhắn cho các đơn vị sát nhập
112	Bổ sung danh mục đơn vị cho các đơn vị mới	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới
113	Đào tạo quản trị CNS cho các đơn vị mới	Hướng dẫn vận hành quản trị hệ thống CNS cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu
114	Đào tạo người dùng CNS cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống CNS cho 05 đơn vị sát nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu
115	Hiệu chỉnh job đồng bộ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
116	Hiệu chỉnh job đồng bộ thông tin liên hệ khách hàng	Cập nhật job đồng bộ định kỳ thông tin liên hệ khách hàng theo danh mục đơn vị và địa chính mới
117	Hỗ trợ vận hành onsite tại các đơn vị sáp nhập	Nhận sự hỗ trợ Onsite vận hành tại 05 địa điểm của đơn vị Bình Dương và Vũng Tàu
XI	App cảnh báo phiếu CRM trễ hạn	

XI.1 Sáp nhập nội bộ EVNHCMC		
118	Hiệu chỉnh danh mục đơn vị	Cập nhật và thiết lập danh mục đơn vị mới
119	Cập nhật đơn vị cho các cuộc gọi theo danh mục đơn vị mới	Cấu hình thiết lập các danh mục đơn vị mới cho các cuộc gọi
120	Cập nhật đơn vị cho các tài khoản sáp nhập	Cấu hình thiết lập phân quyền các tài khoản phụ trách đơn vị sáp nhập.
XI.2 Sáp nhập Bình Dương, Vũng Tàu		
121	Bổ sung danh mục đơn vị cho các đơn vị mới	Cập nhật và thiết lập danh mục đơn vị mới
122	Đào tạo người dùng sử dụng cho các đơn vị mới	Hướng dẫn thao tác sử dụng hệ thống App cảnh báo phiếu CRM trễ hạn cho 05 đơn vị sáp nhập tại Bình Dương và Vũng Tàu
123	Cấp mới tài khoản sử dụng cho các đơn vị mới	Khởi tạo tài khoản phân quyền theo sơ đồ tổ chức

4.3. Yêu cầu phi chức năng:

4.3.1. Yêu cầu bảo mật và an toàn dữ liệu

Đảm bảo dữ liệu toàn vẹn, chính xác sau sáp nhập.

4.3.2. Yêu cầu về cài đặt, đào tạo, hỗ trợ vận hành cho người dùng và chuyển giao công nghệ

Stt	Thực hiện đào tạo và chuyển giao hệ thống cho các đơn vị sử dụng sau sáp nhập, hỗ trợ vận hành sau đào tạo và chuyển giao trong 30 ngày làm việc.
1	Thiết lập mục tiêu và kế hoạch phân bổ nhân sự hỗ trợ cho 05 địa điểm sáp nhập tại Bình dương và Vũng tàu. Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành TT CSKH EVNHCM. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 03 ngày. Tài liệu: - Checklist Đào tạo sử dụng hệ thống - Xác nhận của Bên cung cấp và tiếp nhận
2	Chuẩn bị nguồn lực nhân sự hỗ trợ: Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành TT CSKH EVNHCM. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 02 ngày.

3	<p>Tiếp nhận đào tạo nghiệp vụ Đối tượng phục vụ: Chuyên viên đào tạo. Số lượng nhân sự thực hiện: 06 người. Thời gian: 05 buổi. Tài liệu: - Tài liệu hướng dẫn sử dụng các hệ thống - Mô tả vận hành theo hệ thống</p>
4	<p>Kiểm tra kết quả tiếp nhận đào tạo nghiệp vụ Đối tượng phục vụ: Chuyên viên đào tạo. Số lượng nhân sự thực hiện: 01 người. Thời gian: 02 ngày. Tài liệu: - Bài kiểm tra nghiệp vụ - Trình bày hệ thống</p>
5	<p>Xác nhận lịch trình đào tạo chi tiết từ 05 đơn vị: Đối tượng phục vụ: Quản lý vận hành Trung tâm CSKH EVNHCMC. Số lượng nhân sự thực hiện: 01. Thời gian: 03 ngày.</p>
6	<p>Đào tạo, hướng dẫn hệ thống tại chỗ cho 05 đơn vị nghiệp vụ (Onsite) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trường ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 04 ngày. Tài liệu: Hướng dẫn sử dụng các hệ thống phần mềm liên quan</p>
7	<p>Bàn giao tài liệu Đào tạo Đối tượng phục vụ: Tất cả Trường ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 01 ngày. Tài liệu: - Tài liệu hướng dẫn sử dụng - Biên bản tiếp nhận tài liệu Đào tạo</p>
8	<p>Hỗ trợ vận hành (Onsite) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trường ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 05. Thời gian: 25 ngày (kể cả Thứ 7, Chủ Nhật và ngày Lễ). Tài liệu: - Tài liệu nhật ký hỗ trợ</p>
9	<p>Hỗ trợ vận hành (Online) Đối tượng phục vụ: Tất cả Trường ca, nhân viên sử dụng chương trình CRM. Số lượng nhân sự thực hiện: 10.</p>

Thời gian: 25 ngày (<i>kể cả Thứ 7, Chủ Nhật và ngày Lễ</i>). Tài liệu: - Tài liệu nhật ký hỗ trợ

- Đơn vị triển khai phải hỗ trợ vận hành trong vòng 01 tháng cho các đơn vị sáp nhập tại Bình dương và Vũng Tàu, kể từ ngày bắt đầu triển khai đào tạo.
- Phạm vi hỗ trợ bao gồm việc hướng dẫn người dùng các thao tác, hỗ trợ vận hành các module/chức năng được xây dựng và không bao gồm việc hỗ trợ mở rộng module/chức năng mới.

4.3.3. Yêu cầu về hỗ trợ vận hành cho bộ phận kỹ thuật

- Đơn vị triển khai phải hỗ trợ vận hành miễn phí trong vòng 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu hệ thống. Phạm vi hỗ trợ bao gồm việc sửa lỗi, hỗ trợ vận hành các module/chức năng được xây dựng và không bao gồm việc hỗ trợ mở rộng module/chức năng mới.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Nhà thầu tư vấn phải lập báo cáo Chủ đầu tư theo hình thức báo cáo tiến độ khối lượng thực hiện hoàn thành trong quá trình triển khai tương ứng với thời gian tiến độ đề xuất để hoàn thành hợp đồng.
- Tiến độ báo cáo từng hạng mục công việc phải phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng nhà thầu đề xuất.
- Lập bảng tiến độ chi tiết các hạng mục công việc cần thiết cần thực hiện để hoàn thành hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí: Theo Mục 2 của chương III (Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT).

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của Chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</p> <p>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá</p>

103300
T
ĐIẾ
HỒ
VIÊN 1

	<p>trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại E-ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn</p>

	<p>thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>5. Bản quyền</p>	<p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư. Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ</p>

	<p>thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại E-ĐKCT .
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Tạm ứng và thanh toán	Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại E-ĐKCT .
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại E-ĐKCT kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của

	<p>Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của E-ĐKCT</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>
14. Nhân sự	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p>

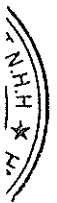
	<p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các

	<p>cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>
16. Nhà thầu phụ	<p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại E-ĐKCT.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
18. Tạm dừng hợp đồng	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt</p>

PHÓ
HH
HÍ M

	<p>hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</p>	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>21. Trường hợp bất khả</p>	<p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh</p>

kháng	<p>hường bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết</p>
-------	---



	<p>theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng. - Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong E-ĐKCT.</p>
<p>23. Thông báo</p>	<p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong E-ĐKCT.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH – TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG</p> <p>Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <p>Tài khoản:</p> <p>Mã số thuế: 0300951119-030</p> <p>Điện thoại: (028) 66848047 Fax: (028) 39104476</p> <p>Đại diện là Ông: Phan Hoàng San Chức vụ: Giám đốc</p> <p>Email : SanPH@hempc.com.vn</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i></p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm dự án: Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP. Hồ Chí Minh; Hoặc địa điểm khác theo chỉ định của Chủ đầu tư (trong khu vực TP.HCM)_____</p> <p><i>[Ghi địa điểm dự án]</i></p>
E-ĐKC 1.11	<p>Ngày hợp đồng có hiệu lực: kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</p> <p><i>[Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]</i></p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: _____</p> <p><i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i></p>
E-ĐKC 4.1	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: _ Theo E-ĐKC <i>[Ghi các quy định khác (nếu có)]</i></p>
E-ĐKC 5.1	<p>Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có). Trường hợp không áp dụng thì ghi “không áp dụng”]</i></p>
E-ĐKC 7	<p>Loại hợp đồng: _ Trọn gói <i>[Ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp áp</i></p>

1095
 CÔNG
 TỒN
 ẨM LƯ
 TỐ CH
 - TR
 CÔNG
 KH
 1-7

	<p><i>dùng loại hợp đồng hỗn hợp thì nêu rõ phần công việc nào áp dụng hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo đơn giá].</i></p>
<p>E-ĐKC 8</p>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p> <p>(2) Đối với loại hợp đồng theo thời gian:</p> <p>i. Giá hợp đồng bao gồm thù lao và chi phí khác cho chuyên gia được quy định tại Bảng giá Hợp đồng.</p> <p>ii. Giá trần là _____ <i>[ghi giá trị bằng đồng Việt Nam]</i>. Các khoản thanh toán cho Hợp đồng này không được vượt quá mức trần. Đối với các khoản thanh toán vượt quá mức trần, các bên phải ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, trong đó nêu rõ các nội dung dẫn đến việc thanh toán vượt mức trần.</p> <p>iii. Thù lao và chi phí khác cho chuyên gia</p> <p>- Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu</p> <p>(i) thù lao được xác định trên cơ sở thời gian thực tế mỗi chuyên gia của nhà thầu thực hiện Dịch vụ sau ngày bắt đầu thực hiện Dịch vụ hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; và (ii) chi phí khác mà Nhà thầu phải chi trên thực tế một cách hợp lý để thực hiện dịch vụ.</p> <p>- Các khoản thanh toán phải được thực hiện trên cơ sở mức thù lao và chi phí khác được quy định tại Bảng giá Hợp đồng.</p> <p>- Điều chỉnh giá đối với chi phí thù lao (thù lao cho chuyên gia theo tháng hoặc theo ngày nêu tại Bảng giá hợp đồng): không áp dụng <i>[điền “áp dụng” hoặc “không áp dụng”]</i></p> <p><i>[Nếu Hợp đồng có thời hạn dưới 18 tháng, không áp dụng trượt giá đối với thù lao chuyên gia. Trường hợp không áp dụng trượt giá đối với mức thù lao, mức thù lao sẽ cố định trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.</i></p> <p><i>Nếu Hợp đồng kéo dài trên 18 tháng, có thể quy định nội dung trượt giá đối với chi phí thù lao chuyên gia</i></p>

	<p><i>căn cứ mức lạm phát trong nước. Việc xác định trượt giá đối với chi phí thù lao căn cứ chi số giá tiền lương trong thời gian tính trượt giá. Trường hợp áp dụng trượt giá đối với lương chuyên gia, cần nêu rõ cách thức trượt giá].</i></p> <p>(3) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</p> <p>(4) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Giá hợp đồng được trượt giá và thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực; - Trượt giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 13 E-ĐKC. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể _____ [nêu rõ công thức tính trượt giá].
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng Tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng. Hồ sơ tạm ứng gồm: Giấy yêu cầu tạm ứng; 01 bản gốc Bảo lãnh ngân hàng (Bảo lãnh tạm ứng)</p> <p><i>Trường hợp có quy định về tạm ứng cho nhà thầu thì cần nêu rõ giá trị, thời hạn tạm ứng và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp với quy định của pháp luật. Thời gian tạm ứng chậm nhất là ____ [Ghi cụ thể là bao nhiêu ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực].</i></p> <p><i>Chi đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu là ____ [Ghi cụ thể là bao nhiêu % giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là bao nhiêu, số tiền bằng chữ là bao nhiêu].</i></p> <p>10.2. Thanh toán</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản _____</p> <p><i>[Tuỳ theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy</i></p>

1119
 II NH
 G CỐ
 IC TH
 II MIN
 IUNG
 -AM S
 ÁCH K
 P. H

	<p><i>định cụ thể nội dung này.</i> <i>Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định bằng tiền mặt, chuyển khoản.]</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: ____ [<i>Ghi cụ thể số lần thanh toán</i>]. - Thời hạn thanh toán: _ Sau khi hoàn thành dự án, nghiệm thu đưa vào sử dụng Bên A thanh toán cho Bên B 100% phần giá trị còn lại (sau khi đã trừ phần tạm ứng) trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B có hồ sơ thanh toán hợp lệ và phụ thuộc vào tiến độ thanh toán (cấp vốn) của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM._
<p>E-ĐKC 11</p>	<p>Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: áp dụng <i>_(ghi áp dụng hoặc không áp dụng)</i>.</p> <p><i>Trường hợp áp dụng, ghi rõ các yêu cầu về bảo hành sản phẩm của dịch vụ, thời gian bảo hành, yêu cầu về khắc phục sự cố...</i></p> <p><i>Ví dụ điều khoản về bảo hành sản phẩm của dịch vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành là: 720 ngày [<i>ghi số ngày</i>]. - Địa điểm để áp dụng bảo hành là: <i>Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh</i> [<i>ghi tên một hoặc một số địa điểm</i>]. - <i>Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó.</i> - <i>Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn _____ ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.</i> - <i>Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.</i>
<p>E-ĐKC 12</p>	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng: <u>45 ngày</u> <i>[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]</i></p>
<p>E-ĐKC 13.1</p>	<p>Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: <u>5 ngày</u></p>

	<i>[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh].</i>
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật].</i>
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư _____ <i>[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư].</i>
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _ Không áp dụng <i>[Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</i>
E-ĐKC 17	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi áp dụng phạt vi phạm hợp đồng. - Chi áp dụng bồi thường thiệt hại. - Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại. <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng :_ Áp dụng <i>[ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”].</i></p> <p><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i></p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức :0.1% <i>[Ghi cụ thể mức phạt theo ngày]</i> cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá :_</p> <p>311.400.000 đồng <i>[Ghi cụ thể số tiền tối đa]</i>. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p>

-030
 NH
 IG TY
 ANH P
 H TNH
 TAM
 OC
 IANG
 O C

	<p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: _ Không áp dụng [<i>ghi “Áp dụng” hoặc “Không áp dụng”</i>].</p> <p><i>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i> - <i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường... phù hợp với pháp luật dân sự.</i>
<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: _ Bên nhận thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của bên giao thầu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên nhận thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận theo hợp đồng, trừ trường hợp được cho phép của bên giao thầu. - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; hoặc - Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu theo Hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với Chủ đầu tư khắc phục sai sót, chậm trễ đó; hoặc - Bị phạt đến 8% giá trị hợp đồng; hoặc - Tự vẫn tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng <p><i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ:</i></p>

	<i>nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương].</i>
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của nhà thầu về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo Hợp đồng mà Chủ đầu tư vẫn không có phúc đáp về các sai sót hoặc chậm trễ đó; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể; hoặc- Chủ đầu tư tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng. <p><i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi Chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i></p>
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp: Các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến Hợp đồng bằng cách thương thảo trực tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án: + Nếu sau 28 ngày kể từ ngày bắt đầu thương lượng mà các Bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa án Nhân dân TP.HCM theo đúng thủ tục quy định. + Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng là tiếng Việt. + Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. + Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí Tòa án. <p><i>[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp... Khuyến khích đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan trọng tài].</i></p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: <p>CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - TRUNG TÂM CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG</p>

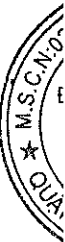
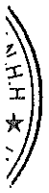
	<p>- Người nhận: Bùi Hữu Phước</p> <p>- Địa chỉ: Lầu 6, Tòa nhà Green Power, Số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh</p> <p>- Điện thoại: (028) 66848047</p> <p>- Fax: (028) 39104476</p> <p>- Email: Phuoc2BH@hcmpc.com.vn</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</p> <p>Điện thoại: _____</p> <p>Fax: _____</p> <p>E-mail: _____</p>
--	---

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong E-ĐKCT cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.



HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

0095
C
T
KH
V 7 - 7

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [Ghi rõ họ tên] là cán bộ phụ trách của

Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Hợp đồng trọn gói⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định⁽³⁾

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền]* khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

4. Hợp đồng theo thời gian⁽³⁾

a) Giá hợp đồng: _____ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoản gọn⁽⁴⁾ dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và photô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY
QUYỀN**

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng

(4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu.] với giá hợp đồng là _____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Thương thảo hợp đồng (nếu có) đối với trường hợp thương thảo hợp đồng trực tiếp;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền

của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC CÁC VÍ DỤ

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của gói thầu tư vấn khảo sát, thiết kế chi tiết Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải thành phố X

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
1	Kinh nghiệm nhà thầu	15		10
1.1	Kinh nghiệm quốc tế về thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây	5		
1.1.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	2,5		
	>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	8-9 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	6-8 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	3-5 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	< 3 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	2,5		
	>= 10 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	8-9 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	6-8 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	3-5 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	< 3 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại khu vực Đông Nam Á	5		
1.2.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	2,5		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.2.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	2,5		

1095
CH
TỔN
ÊN LƯ
IÓ CH
TR
CH
KH
1-7

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		2,5	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,25	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		1,75	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3	Kinh nghiệm tư vấn các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải tương tự trong 10 năm gần đây tại Việt Nam	6		
1.3.1	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp nước	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
1.3.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án thoát nước và xử lý nước thải	3		
	>= 6 dự án (đạt 100% số điểm)		3	
	4-5 dự án (đạt 90% số điểm)		2,7	
	2-3 dự án (đạt 70% số điểm)		2,1	
	1 dự án (đạt 40% số điểm)		1,2	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu	5		
	Tất cả hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 100% số điểm)		5	
	75% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 90% số điểm)		4,5	
	50% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 70% số điểm)		3,5	
	25% các hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 40% số điểm)		2	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	Không có hợp đồng tương tự trước đó đảm bảo hoặc vượt yêu cầu về chất lượng, tiến độ thực hiện (đạt 0 điểm)		0	
3	Giải pháp và phương pháp luận	30		20
3.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của dự án đã nêu trong điều khoản tham chiếu	5		
3.1.1	Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của dự án nêu trong điều khoản tham chiếu	2		
3.1.2	Đề xuất về kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, tuyến, đặc điểm của các dự án hợp phần	1,5		
3.1.3	Khảo sát hiện trường dự án (đề xuất về kỹ thuật có các hình minh họa vị trí, tuyến của các dự án hợp phần)	1,5		
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	5		
3.2.1	Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho dự án.	2		
3.2.2	Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ	1,5		
3.2.3	Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của dự án)	1,5		
3.3	Sáng kiến cải tiến	2		
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án	1		
3.3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận của nhà thầu chuyên nghiệp và tiên tiến	1		
3.4	Cách trình bày đề xuất	2		
3.4.1	Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi	1		
3.4.2	Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục	1		
3.5	Kế hoạch triển khai	10		
3.5.1	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng	5		
3.5.2	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến	2,5		
3.5.3	Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo	2,5		
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	6		

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
3.6.1	<i>Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu</i>	3		
3.6.2	<i>Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai</i>	3		
4	<i>Nhân sự</i>	50		40
4.1	<i>Tư vấn trưởng</i>	13		11
4.1.1	<i>Trình độ chung</i>	3		
a	<i>Bằng cấp</i>	1,5		
	<i>Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1,5		
	<i>>= 15 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1,5	
	<i>10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)</i>		1,05	
	<i>5 - < 10 năm (đạt 40% số điểm)</i>		0,6	
	<i>< 5 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
4.1.2	<i>Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự</i>	6		
a	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước</i>	2		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,4	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,8	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	
b	<i>Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải</i>	2		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		2	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		1,4	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)</i>		0,8	
	<i>0 dự án (đạt 0 điểm)</i>		0	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn trưởng trong suốt quá trình làm việc	2		
	≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm)		2	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,4	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,8	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.1.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1,5		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	10 - < 15 năm (đạt 80% số điểm)		1,2	
	5 - < 10 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	1 - 5 năm (đạt 30% số điểm)		0,45	
	≤ 1 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.4	Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam	1,5		
	≥ 5 năm (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 năm (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)		0,75	
	Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)		0	
4.1.5	Trình độ tiếng Anh	1		
	Tốt (đạt 100% số điểm)		1	
	Khá (đạt 70% số điểm)		0,7	
	Trung bình (đạt 40% số điểm)		0,4	
	Kém (đạt 0 điểm)		0	
4.2	Tư vấn phó	9		7
4.2.1	Trình độ chung	2		
a	Bằng cấp	1		
	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 100% số điểm)		1	

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
	Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)		0,7	
	Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan	1		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1	
	10 – <15 năm (đạt 70% số điểm)		0,7	
	5 – < 10 năm (đạt 40% số điểm)		0,4	
	< 5 năm (đạt 0 điểm)		0	
4.2.2	Kinh nghiệm thiết kế các dự án cấp thoát nước và xử lý nước thải có quy mô tương tự	4,5		
a	Kinh nghiệm thiết kế dự án cấp nước	1,5		
	≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,6	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
b	Kinh nghiệm thiết kế dự án thoát nước và xử lý nước thải	1,5		
	≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,6	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
c	Kinh nghiệm ở vị trí tư vấn phó (hoặc tư vấn trưởng) trong suốt quá trình làm việc	1,5		
	≥ 5 dự án (đạt 100% số điểm)		1,5	
	3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)		1,05	
	1 - 2 dự án (đạt 40% số điểm)		0,6	
	0 dự án (đạt 0 điểm)		0	
4.2.3	Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á	1		
	≥ 15 năm (đạt 100% số điểm)		1	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Kỹ sư, cử nhân (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung cấp, cao đẳng hoặc các bằng cấp tương đương khác (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>b</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan</i>	1		
	<i>>= 7 năm (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>4 - < 7 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>2 - < 4 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>< 2 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>c</i>	<i>Kinh nghiệm thực hiện các dự án có tính chất tương tự</i>	1		
	<i>>= 5 dự án (đạt 100% số điểm)</i>		1	
	<i>3 - 4 dự án (đạt 70% số điểm)</i>		0,7	
	<i>1 - 2 dự án (đạt 50% số điểm)</i>		0,5	
	<i>0 dự án</i>		0	
<i>d</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc trong khu vực Đông Nam Á</i>	0,5		
	<i>>= 5 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>3 - < 5 năm (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>1 - < 3 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>< 1 năm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>đ</i>	<i>Kinh nghiệm làm việc tại Việt Nam</i>	0,5		
	<i>≥ 3 năm (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>1 - 2 năm (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	
	<i>Không có kinh nghiệm (đạt 0 điểm)</i>		0	
<i>e</i>	<i>Trình độ tiếng Anh</i>	0,5		
	<i>Tốt (đạt 100% số điểm)</i>		0,5	
	<i>Khá (đạt 70% số điểm)</i>		0,35	
	<i>Trung bình (đạt 50% số điểm)</i>		0,25	

<i>TT</i>	<i>Tiêu chuẩn đánh giá</i>	<i>Điểm tối đa</i>	<i>Thang điểm chi tiết</i>	<i>Điểm tối thiểu</i>
	<i>Kém (đạt 0 điểm)</i>		<i>0</i>	
	<i>Tổng</i>	<i>100</i>		<i>70</i>

2